

TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học phổ thông Lê Minh Xuân
năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1975	650	621	704
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1754 (88.81%)	557 (85.69%)	526 (84.70%)	671 (95.31%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	194 (9.82%)	80 (12.31%)	81 (13.04%)	33 (4.69%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	27 (1.37%)	13 (2.00%)	14 (2.25%)	00
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	1975	650	621	704
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	587 (29.72%)	152 (23.38%)	206 (33.17%)	229 (32.53%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	814 (41.22%)	252 (38.77%)	238 (38.33%)	324 (46.02%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	549 (27.79%)	235 (36.15%)	168 (27.05%)	146 (20.74%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	18 (0.91%)	06 (0.92%)	07 (1.13%)	05 (0.71%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	07 (0.35%)	05 (0.77%)	02 (0.32%)	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1975	650	621	704
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1955 (98.99%)	639 (98.31%)	612 (98.55%)	704 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	585 (29.62%)	152 (23.38%)	204 (32.85%)	229 (32.53%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	814 (41.22%)	252 (38.77%)	238 (38.33%)	324 (46.02%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	58 (2.94%)	36 (5.54%)	22 (3.54%)	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1.01%)	11 (1.69%)	09 (1.45%)	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	c.đi: 06 c.đến: 04	c.đi: 04 c.đến: 00	c.đi: 01 c.đến: 03	c.đi: 01 c.đến: 01
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	25 (1.25%)	10 (1.54%)	08 (1.28%)	07 (0.98%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	103	33	28	42
1	Cấp cụm	31	17	14	00
2	Cấp tỉnh/thành phố	72	16	14	42
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	704			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	704			704
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	897/1078	295/355	275/346	327/377
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	63	18	27	18

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2020



Hồ Xuân Phúc